

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 05-6-2023

V/v: “*Tranh chấp xác định cha cho con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
- + Ông Mai Phú;
- + Bà Mai Lương Anh.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ, tỉnh L, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp xác định cha cho con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số 53, Thống Nhất, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L (có mặt).

Bị đơn: Chị Huỳnh Thụy Thanh T, sinh năm: 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 29/4, đường N, Phường M, thành phố Đ, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Văn T, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số 1B/40, đường T, khu phố 1, phường V, thành phố P, tỉnh N (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn anh Trương T thì: Giữa anh và chị Huỳnh Thụy Thanh T có mối quan hệ tình cảm với nhau và

chung sống với nhau từ năm 2019, trong thời gian đó thì giữa chị T và anh Phan Văn T chưa làm thủ tục ly hôn mà đang sống ly thân. Khoảng thời gian giữa anh và chị T sống chung thì chị T đã mang thai con của anh, đến ngày 13/8/2020 chị T sinh con theo giấy chứng sinh số 3320 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh L và anh chị đã đặt tên con là Trương Tuệ N, nhưng chưa làm thủ tục khai sinh.

Đến ngày 01/3/2021 giữa chị T và anh T đã ly hôn theo quyết định số 39/QĐST - HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh N.

Để có căn cứ làm giấy khai sinh cho con gái của anh theo quy định, nay anh T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết xác định bé gái sinh ngày 13/8/2020 do chị Huỳnh Thụy Thanh T sinh ra là con gái của anh theo kết quả xét nghiệm ADN ngày 09/11/2022 của Viện sinh học phân tử LOCI.

Theo bản tự khai và lời trình bày của bị đơn chị Huỳnh Thụy Thanh T thì: Năm 2019 chị và anh Trương T có mối quan hệ tình cảm và chung sống với nhau. Sau đó chị đã mang thai con của anh T, trong thời gian chị quen anh T và sinh con của anh T thì giữa chị và anh Phan Văn T chưa ly hôn.

Nay chị thống nhất với trình bày và yêu cầu của anh Trương T, chị xác định con gái do chị sinh ra vào ngày 13/8/2020 theo giấy chứng sinh số 3320 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh L là con của anh Trương T.

Theo bản tự khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn T thì: Giữa anh và chị Huỳnh Thụy Thanh T kết hôn với nhau vào năm 2004. Thời gian sống chung vợ chồng có 02 con chung là Phan Đình Chiến, sinh ngày 20/10/2005 và Phan Đình Nguyên Thắng, sinh ngày 17/7/2007. Đến năm 2010 giữa anh và chị T đã sống ly thân, năm 2021 thì mới giải quyết thủ tục ly hôn.

Bé gái do chị T sinh ngày 13/8/2020 không phải con của anh T. Nay anh Trương T khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định bé gái nêu trên là con gái của anh T thì anh không có ý kiến gì.

Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải giữa các đương sự, nhưng do anh T vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin xác định bé gái do chị Huỳnh Thụy Thanh T, sinh ngày 13/8/2020 là con của anh. Bị đơn chị T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, đương sự và Hội Đồng xét xử. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn về việc xác định bé gái do chị Huỳnh Thụy Thanh T sinh ngày 20/8/2020 là con của anh Trương T theo kết quả xét nghiệm ADN ngày 09/11/2022 của Viện sinh học phân tử LOCI.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xuất phát từ việc anh Trương T khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ xác định bé gái do chị Huỳnh Thụy Thanh T sinh ra vào ngày 20/8/2020 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh L là con của anh T, nên xác định đây là quan hệ tranh chấp “Xác định cha cho con” và yêu cầu này liên quan đến anh Phan Văn T, hiện bị đơn chị T cư trú tại Phường 6, thành phố Đ, nên căn cứ các quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Tại phiên tòa xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phan Văn T. Tuy nhiên anh T đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo đúng quy định.

[2] Về nội dung: Theo lời trình bày của các đương sự thì giữa chị Huỳnh Thụy Thanh T và anh Phan Văn T là vợ chồng hợp pháp từ năm 2004, đến năm 2010 giữa chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, năm 2019 chị T đã có mối quan hệ tình cảm với anh Trương T và đã mang thai con của anh T. Vào ngày 23 tháng 02 năm 2020 chị T đã sinh một bé gái theo giấy chứng sinh số 3320, quyển số 35 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh L. Nhưng đến ngày 01/3/2021 giữa chị T và anh T mới giải quyết thủ tục ly hôn theo quyết định số 39/QĐST - HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Do bé gái được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và anh T còn tồn tại, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì bé gái này được coi là con do chị T có thai và sinh ra trong thời kỳ hôn nhân với anh T, do vậy anh Trương T không làm được thủ tục khai sinh cho con được, nên nay anh T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định bé gái nêu trên là con của anh T để anh làm thủ tục khai sinh cho con theo đúng quy định.

Mặc dù bé gái này được coi là con do chị T sinh ra trong thời kỳ hôn nhân với anh T, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị T và anh T đều xác định bé gái do chị T sinh ra ngày 20 tháng 8 năm 2020 không phải con của anh T. Đồng thời tại kết

qua xét nghiệm ADN ngày 09/11/2022 của Viện sinh học phân tử LOCI tại quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh đã kết luận bé gái do chị Huỳnh Thụy Thanh T sinh ra vào ngày 20/8/2020, theo giấy chứng sinh số 3320, quyển số 35 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh L có quan hệ huyết thống Cha - Con với anh Trương T có tần suất đạt 99,9999918%. Xét lời khai của các đương sự thống nhất với nhau và phù hợp với kết quả xét nghiệm AND, vì vậy việc anh Trương T yêu cầu Tòa án xác định bé gái do chị T sinh ra ngày 20/8/2020 con của anh T là có cơ sở để chấp nhận, nên căn cứ khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương T.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh T thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí theo quy định, nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 88; khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương T về việc “*Tranh chấp xác định cha cho con*”.

2/Công nhận anh Trương T, sinh năm 1989 nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 53, Thống Nhất, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L là cha của bé gái do chị Huỳnh Thụy Thanh T sinh ra vào ngày 20/8/2020, theo giấy chứng sinh số 3320, quyển số 35 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh L.

3/Về án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4/Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/6/2023). Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp. Đ;
- Chi cục THADS Tp. Đ;
- Các đương sự;;
- Bộ phận Dân sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mai Phú

Mai Lương Anh

Trần Thị Lan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp Đ;
- Chi cục THADS Tp Đ;
- Các đương sự;
- Bộ phận Dân sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Hoài

